

TÊN RIÊNG TRONG HỆ THỐNG TỪ VỰNG TIẾNG VIỆT

Phạm Tất Thắng, Nguyễn Hoàng Phương Linh**
Email: phamtatthangvnn@gmail.com

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 06/05/2024

Ngày phản biện đánh giá: 13/11/2024

Ngày bài báo được duyệt đăng: 27/11/2024

DOI: 10.59266/houjs.2024.490

Tóm tắt: Theo quan niệm truyền thống, các đơn vị từ vựng của tiếng Việt thường được nói đến là từ và cụm từ cố định. Tuy nhiên, sau khi tiến hành nghiên cứu tên trong mối quan hệ với các đơn vị từ vựng khác dựa trên những tiêu chí của Từ vựng học, thì bài báo này chứng minh tên riêng có thể được tách ra thành một loại đơn vị từ vựng riêng biệt, có giá trị tương đương với từ và trở thành một loại đơn vị từ vựng chân chính. Để làm rõ mục đích này, bài báo sử dụng phương pháp miêu tả ngôn ngữ học dựa trên các ngữ liệu tiếng Việt hiện hành. Kết quả nghiên cứu này đã góp phần làm rõ vị trí quan trọng của tên riêng trong hệ thống từ vựng tiếng Việt và lần đầu tiên khẳng định tên riêng là một loại đơn vị từ vựng.

Từ khóa: từ, danh từ, tên riêng, danh từ riêng, tên chung, danh học.

I. Đặt vấn đề

Trong lịch sử từ vựng học tiếng Việt, các nhà Việt ngữ học thường xếp tên riêng cùng loại với danh từ và gọi chúng là “danh từ riêng” (proper noun), nhưng khi miêu tả đặc điểm từ loại của chúng, thì người ta mới vỡ lẽ ra rằng các tên riêng có nhiều điểm rất khác biệt so với danh từ. Nói cách khác, các tên riêng không nằm gọn trong cùng một “khuôn” với danh từ. Chính vì thế, có người vẫn không khỏi băn khoăn khi xếp tên riêng cùng nhóm với danh từ. Chẳng hạn, Nguyễn Tài Cẩn cũng đã từng cân nhắc khi xếp tên riêng cùng lớp với danh từ. Theo ông, nếu căn cứ vào chức năng ngữ nghĩa khác nhau của tên riêng và tên chung, thì các tên riêng “đáng được tách ra” thành một hệ thống, còn danh từ chung có thể với động từ và tính từ làm thành một hệ thống khác [1].

Điều đó chứng tỏ câu chuyện về tên riêng tiếng Việt chưa phải đã đến hồi kết, mà có thể mới ở giai đoạn khởi đầu. Chính vì thế trong bài viết này, chúng tôi tiếp tục bàn về vị thế của tên riêng trong hệ thống từ vựng tiếng Việt.

II. Cơ sở lý thuyết

Trong ngôn ngữ học hiện đại, tên riêng là đối tượng nghiên cứu của môn Tên riêng hay Danh học (Onomastics). Môn này hình thành đầu tiên ở Mỹ và ở châu Âu. Ở thời kì đầu, người ta thường quan tâm đến 2 loại tên riêng chủ yếu và có số lượng nhiều nhất- đó là tên người (nhân danh) và tên địa lí (địa danh).

Ở Mỹ, vào đầu những năm 50 của thế kỉ XX, Gardiner. A đã bàn về lý thuyết tên riêng trong cuốn “The theory of proper names”. [3]

* Trường Đại học Mở Hà Nội

Đến năm 1973, một tác giả người Nga tên là Superanskaja A.V cũng công bố công trình nghiên cứu về tên riêng trong cuốn” Những vấn đề cơ bản về tên riêng”. [10]

Từ những năm 30 của thế kỷ XX, ở Việt Nam cũng bắt đầu xuất hiện một số công trình nghiên cứu về tên riêng, nhưng phần lớn những tài liệu này đều là những công trình khảo cứu, biên soạn về tên người Việt. Mãi cho đến những năm 60-70 của thế kỉ XX, người ta mới bắt đầu chú ý đến việc nghiên cứu tên riêng tiếng Việt một cách có hệ thống hơn trên cả bình diện ngôn ngữ học, xã hội học, dân tộc học.

III. Phương pháp nghiên cứu

Như đã biết, trong ngôn ngữ học, giới chuyên môn thường nói đến hai phương pháp nghiên cứu chủ yếu - đó là phương pháp miêu tả và phương pháp so sánh. Điều này đã được tác giả Nguyễn Thiện Giáp viết trong cuốn “Các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ, Nxb Giáo dục, 2009.[5]

Phương pháp miêu tả trong ngôn ngữ học (discription method) là một loại phương pháp kết hợp sử dụng nhiều thủ pháp nghiên cứu khác nhau nhằm phát hiện ra bản chất của các hiện tượng ngôn ngữ trong quá trình hình thành và phát triển của nó. Tên riêng cũng là một loại đơn vị ngôn ngữ, vì thế phương pháp miêu tả cũng được sử dụng để nghiên cứu tên riêng như các đơn vị ngôn ngữ khác.

Tuy nhiên, tên riêng có nhiều loại tên gọi có cấu trúc - chức năng khác nhau, vì thế tùy thuộc vào đặc điểm từng loại tên riêng mà chúng ta sử dụng những thủ pháp miêu tả nào cho phù hợp với từng đối tượng nghiên cứu. Chẳng hạn, khi miêu tả cấu trúc của tên người Việt, thì thủ pháp đầu tiên là phải tiến hành thống kê phân

loại các tên gọi cụ thể (còn gọi là phương pháp định lượng), tiếp đến là phương pháp miêu tả hệ thống cấu trúc, phương pháp mô hình hóa,... để tìm ra các mô hình cấu trúc khái quát và cấu trúc cụ thể của các loại tên gọi (còn gọi là phương pháp định tính). Như vậy, khi nói đến phương pháp miêu tả ngôn ngữ học là nói phương pháp tổng hợp của nhiều nhiều thủ pháp nghiên cứu khác nhau.

Bên cạnh phương pháp miêu tả, việc nghiên cứu tên riêng cũng sử dụng phương pháp nghiên cứu so sánh (comparative linguistics). Trong phương pháp này, tùy theo đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu mà người ta còn phân biệt phương pháp so sánh lịch sử với so sánh loại hình và so sánh đối chiếu. Phương pháp so sánh có thể được tiến hành trên cả bình diện lịch đại và đồng đại. Chẳng hạn, đối với phương pháp so sánh lịch sử, người ta chỉ tiến hành so sánh chủ yếu trên bình diện lịch đại, còn so sánh đối chiếu lại thiên về việc so sánh trên bình diện đồng đại.

Tên riêng có thể được tiến hành so sánh trên cả bình diện đồng đại và lịch đại. Kết quả so sánh tên riêng trên bình diện lịch đại có thể có ích trong việc phân loại các loại hình tên riêng. Điều quan trọng hơn cả là việc so sánh tên riêng trên bình diện đồng đại chủ yếu phục vụ cho mục đích học tập và giảng dạy ngoại ngữ cũng như tìm hiểu đặc trưng văn hóa của cộng đồng ngôn ngữ trong quá trình tiếp xúc văn hóa.

Bài viết này bàn đến vị thế của tên riêng trong hệ thống từ vựng tiếng Việt, vì thế chúng tôi sử dụng phương pháp miêu tả là chủ yếu. Nhiệm vụ của phương pháp này là phân tích những đặc trưng về mặt cấu trúc- ngữ nghĩa và ngữ pháp cũng chức năng hoạt động của tên riêng so với các đơn vị từ vựng khác trong hệ thống từ

vựng trên bình diện đồng đại. Ngoài ra, để làm rõ bản chất của tên riêng, bài viết cũng sử dụng đến phương pháp so sánh trong nội bộ các đơn vị từ vựng của tiếng Việt như: tên riêng so với từ, tên riêng so với tổ hợp từ cố định, ...

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Cấu tạo của tên riêng

Như trên đã nói, tên riêng là tên gọi của một đối tượng cá biệt và đơn nhất. Điều này khác với tên chung (common name) còn gọi là từ là tên gọi của một lớp đối tượng cùng loại. Chẳng hạn, khi nói đến từ “cây” là nói đến một lớp thực vật có cùng tên gọi, nhưng khi nói đến một người có tên gọi là “Lan” thì tên gọi đó chỉ gắn với một con người cụ thể để phân biệt và phân xuất với những người khác hoặc những người có trùng tên gọi.

Về cấu tạo (structure) khác với từ, tên riêng không được tạo ra bằng con đường cấu tạo từ (word - formation), nghĩa là chúng không phải do hình vị kết hợp với nhau tạo nên mà là một tổ hợp từ kết hợp chặt chẽ với nhau theo một trật tự tuyến tính nhất định.

Chẳng hạn, tên chính của người Việt được cấu tạo theo mô hình gồm 3 thành phần như sau:

[Tên họ- Tên đệm- Tên cá biệt]

Trong mô hình “ Tên họ -Tên đệm -Tên cá nhân”, mỗi thành phần tên gọi đều do một kí hiệu tương đương với từ đảm nhận. Vì thế, có thể gọi tên chính gồm 3 thành phần như vậy là một tổ hợp tên gọi hay tổ hợp từ liên kết chặt chẽ với nhau tạo thành kết cấu hoàn chỉnh để gọi tên người.

Ví dụ: *Nguyễn Ái Quốc, Phạm Văn Đồng, Võ Thị Sáu, ...*

Chính vì thế, vào năm 1997, Phạm Tất Thắng đã gọi tên chính (chính danh) của người Việt là một” Tổ hợp định danh”

[6] chứ không phải bằng thuật ngữ” Tên”, Tên riêng» hay “Tên gọi” chung chung như một số tác giả đã sử dụng trước đó.

Khác với tên chính của người, hầu như tất cả các loại tên riêng khác thường được cấu tạo theo mô hình gồm 2 thành phần: **[Tên chung- Tên cá biệt]**

Trong mô hình cấu tạo gồm hai thành phần đó, mỗi thành phần đảm nhiệm một chức năng riêng. Thành phần đứng trước thường là do các từ đảm nhiệm chức năng chỉ loại/nhóm tên gọi như: sông, núi, biển, hồ, trường, nhà máy, xí nghiệp, thôn, xã, huyện, tỉnh, thành phố,...Thành phần đứng sau là tên gọi cá biệt có chức năng gọi tên tính cá thể đơn nhất của đối tượng.

Các yếu tố trong thành phần tên chung và thành phần tên cá biệt liên kết chặt chẽ theo với nhau theo quan hệ tuyến tính để tạo thành một kết cấu hoàn chỉnh để gọi tên cho một đối tượng cụ thể và cá biệt. Vì thế, chúng tôi gọi các loại tên riêng 2 thành phần như vậy là một “đơn vị định danh đa thành tố”.

Sau đây là một số ví dụ cụ thể cho mỗi loại tên riêng:

- Địa danh: *Sông Hồng, Núi Ba Vì, Biển Đông, Thành phố Hà Nội, Huyện Hoài Đức, Phố Hàng Bài, ...*

- Vũ trụ danh: *Sao Hỏa, Sao Kim, Thiên hà Hercules A, Dải Ngân Hà, vụ nổ Big Bang, ...*

- Tên cơ quan- tổ chức: *Bộ Ngoại giao, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, ...*

- Tên gọi sách- báo: *Báo Nhân dân, Tạp chí Ngôn ngữ, Tiểu thuyết Tắt đèn, Bài thơ về tiểu đội xe không kính, ...*

- Tên các ngày lễ - hội: *Lễ hội Đền Hùng, Hội Lim, Tết Nguyên đán, Ngày Nhà giáo Việt Nam...*

- Tên công trình kiến trúc- xây dựng:
Cầu Long Biên, Nhà hát Lớn Hà Nội, Ga Hà Nội, Phủ Toàn quyền Đông Dương, ...

Ngoài hai mô hình tên riêng có cấu tạo 2 và 3 thành phần nói trên, tên riêng tiếng Việt cũng có loại tồn tại dưới hình thức một tiếng/ chữ, nhưng loại này có số lượng rất ít nên không đại diện cho hệ thống tên riêng.

Ví dụ: *Cu, Cò, Bò, Tò, Tẹt* (tên tục chỉ người); *Mặt Trời, Mặt Trăng, Trái Đất, ...* (từ hóa tên riêng).

4.2. Ý nghĩa của tên riêng

Về ý nghĩa (meaning), tên riêng cũng có nghĩa giống như từ (tên chung), bởi vì tên riêng cũng là một loại kí hiệu ngôn ngữ có chức năng tham gia trong hoạt động giao tiếp. Tuy nhiên, ý nghĩa của tên riêng không giống hoặc không cùng loại với nghĩa của từ vì tên riêng chỉ dùng để gọi chứ không dùng để hiểu. Nó chỉ giống như cái "nhãn/tem" dán vào cho mỗi đối tượng.

Chẳng hạn, "tiến sĩ" là một từ có ý nghĩa chỉ học vị cao nhất, trên bậc đại học/cử nhân, nhưng một người nào đó lấy kí hiệu đó để đặt tên riêng cho mình thành "Đỗ Tiến Sĩ", thì tên gọi đó thường không có mối liên hệ nào đến học vị tiến sĩ, mà đơn giản chỉ là tên gọi cho một người mang họ "Đỗ", có tên gọi cá biệt là "Tiến Sĩ" mà thôi.

Khác với ý nghĩa mang tính khái quát của từ, ý nghĩa của mỗi tên riêng còn gắn liền với các giá trị xã hội nhất định. Chính vì thế, các tên riêng có thể có nguồn gốc là từ, nhưng ý nghĩa của mỗi tên riêng lại gắn với mỗi đối tượng hoàn toàn khác nhau.

Chẳng hạn, một người đặt tên là "Đỗ Tiến Sĩ" có nguyện vọng sau này khi trưởng thành sẽ trở thành tiến sĩ hoặc học giỏi như tiến sĩ. Một người khác cũng có tên là Đỗ Tiến Sĩ nhưng tên gọi thứ hai này gắn với

dấu ấn kỉ niệm sâu sắc về một ân nhân có cùng tên gọi trong quá khứ của người đặt tên. Nhìn chung, ý nghĩa tên riêng phụ thuộc vào quan niệm của người đặt tên và có tên. Vì thế, chúng tôi gọi ý nghĩa của tên riêng là ý nghĩa xã hội mang tính hàm chỉ (implied /connotative meaning).

Ý nghĩa của tên riêng là một địa hạt vô cùng đa dạng và phức tạp. Đây là vấn đề không chỉ mang tính lí luận, mà còn phản ánh đặc điểm tâm lí - xã hội của mỗi cộng đồng dân tộc nhất định.

4.3. Chức năng của tên riêng

Về chức năng (function), với tư cách là đơn vị ngôn ngữ, tên riêng cũng có nhiều chức năng giống tên chung như: chức năng phân biệt, chức năng gọi tên, chức năng biểu cảm và chức năng thẩm mĩ.

Tuy nhiên, bên cạnh những chức năng giống như từ, tên riêng còn có những chức năng riêng mang tính đặc thù. Chẳng hạn, cả tên chung và tên riêng đều có chức năng định danh, nhưng tên chung định danh cho một lớp đối tượng cùng loại (mang tính khái quát), còn tên riêng chỉ gọi tên cho một đối tượng cá biệt và đơn nhất.

Tên riêng cũng có chức năng biểu cảm (expressive function), nhưng chức năng này ít được thể hiện qua cấu tạo tên gọi như từ, mà thường thể hiện việc sử dụng tên gọi trong hoạt động giao tiếp.

Chẳng hạn, người Việt thường gọi nhau bằng tên gọi cá biệt trong giao tiếp khẩu ngữ, nhưng để bày tỏ thái độ trân trọng hay kính trọng với một người nào đó, người Việt còn xưng hô với nhau bằng tên họ.

Ví dụ, người Việt thường gọi lãnh tụ Hồ Chí Minh bằng "Cụ Hồ" hay "Bác Hồ".

4.4. Đặc điểm ngữ pháp của tên riêng

Về ngữ pháp (grammatical), các tên riêng cũng có nhiều đặc điểm tương tự

như từ (tên chung) nhưng tên riêng cũng mang những đặc trưng riêng.

Chẳng hạn, tên riêng không dễ dàng kết hợp với các yếu tố chỉ lượng như “cả, tất cả, tất thảy” hay “mọi, từng” đứng trước nó hoặc không kết hợp trực tiếp với từ “cái” với tư cách là từ tình thái và cả với các từ chỉ định “này, nọ, ấy, kia,…” như ở danh từ. Trường hợp đặc biệt, một số tên riêng vẫn có thể kết hợp với những từ nói trên nhưng chỉ để nhấn mạnh một ý nghĩa nào đó trong câu.

Ví dụ: Cả Hà Nội nhất tề đứng lên đánh giặc; Ở đây có hai Nguyễn Văn Nam, anh cần gặp Nguyễn Văn Nam nào? [Dẫn theo Nguyễn Tài Căn,1].

Về mặt cú pháp, các tên riêng cũng có khả năng giữ các chức vụ trong câu như từ, nhưng phẩm chất của các chức vụ này cũng có điểm khác biệt nhất định so với danh từ.

Chẳng hạn, tên riêng cũng có khả năng làm định ngữ mở rộng ý nghĩa cho danh từ trung tâm, nhưng theo Nguyễn Tài Căn: “nó thường chỉ làm loại định ngữ chỉ kẻ chiếm hữu” và thường phải thêm giới từ vào trước tên riêng như: “ Một bài hát rất Việt Nam” hay “Việc phê bình của Nguyễn Đình Chiêm” [Dẫn theo Nguyễn Tài Căn,1].

4.5. Chữ viết của tên riêng

Về chữ viết, tên riêng có sự phân biệt với tên chung tương đối rõ rệt: tên riêng thì được viết hoa, còn tên chung thì viết thường.

Ví dụ: *Võ Thị Sáu, Sông Hồng, Sao Hỏa, Báo Nhân dân, Bộ Ngoại giao, Trường Đại học Mở Hà Nội, Tết Nguyên đán, ...*

Hiện nay, mặc dù vấn đề viết hoa tên riêng đã được sử dụng tương đối ổn định trong sách báo, nhưng cách viết một số loại tên riêng vẫn chưa được sử dụng một cách thống nhất trong các loại văn

bản tiếng Việt. Vì thế, vấn đề này vẫn cần được tiếp tục thảo luận.

V. Kết luận

Tóm lại, nếu so sánh với từ, thì các tên riêng cũng hội tụ khá đầy đủ những phẩm chất của một đơn vị từ vựng như từ trên các nhiều phương diện: cấu tạo, ngữ nghĩa, ngữ pháp và chữ viết. Tuy nhiên, cũng trên các phương diện đó, tên riêng cũng có nhiều điểm khác biệt so với từ. Vì thế tên riêng và tên riêng không thể cùng loại mà phải được tách ra thành một tiểu loại riêng. Điều đó thể hiện ở chỗ:

- Về cấu tạo, các tên riêng tồn tại dưới hình thức một tổ hợp từ hay là một đơn vị định danh đa thành tố bao gồm ít nhất hai kí hiệu ngôn ngữ trở lên. Các kí hiệu này kết hợp chặt chẽ với nhau tạo thành một khối hoàn chỉnh vững chắc để gọi tên cho một đối tượng cá biệt và đơn nhất.

- Về ý nghĩa, các tên riêng cũng có nghĩa như từ, nhưng ý nghĩa của tên riêng không biểu thị bất kì một khái niệm nào cả. Nghĩa của tên riêng thường có ý nghĩa hàm, mang tính tâm lí - xã hội sâu sắc. Chính điều này làm cho tên riêng khác với các tên chung về khả năng nhạy cảm trong việc phản ánh những dấu ấn về lịch sử, văn hóa, xã hội và nhiều thứ khác đặc trưng cho mỗi một cộng đồng ngôn ngữ nhất định.

- Về ngữ pháp, các mối quan hệ trong nội bộ tên riêng và của các tên riêng trong hệ thống ngôn ngữ mang những đặc trưng riêng mà không hoàn toàn trùng khớp với các đặc điểm ngữ pháp với tên chung.

- Về chức năng, tên riêng là loại kí hiệu ngôn ngữ dùng để gọi tên chứ không dùng để hiểu như tên chung. Ngoài ra, tên riêng cũng có chức năng biểu cảm nhưng chủ yếu thể hiện trong hoạt động giao tiếp.

Một điều đáng chú ý là, trong hệ thống ngôn ngữ, các tên riêng hoạt động độc lập như một đơn vị từ vựng chân

chính và có sẵn như từ. Chính vì thế, các tên riêng có thể được tập hợp thành từ điển giống như từ.

Mặc dù các tên riêng có đủ tư cách để làm một đơn vị từ vựng chân chính như vậy, nhưng hệ thống tên riêng vẫn chưa hoàn toàn lấp đầy những “ô trống” có tính phổ niệm của một đơn vị từ vựng. Chính vì thế, tên riêng tiếng Việt vẫn còn nhiều vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Tài Cẩn, Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại, Nxb KHXH, H, (1975).
- [2]. Đỗ Hữu Châu, Các bình diện của từ và từ tiếng Việt, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, (1999).
- [3]. Gardiner. A, The theory of proper names, London- New York, (1954).
- [4]. Đinh Văn Đức, Ngữ pháp tiếng Việt (từ loại), Nxb ĐH&THCN, H, (1986).
- [5]. Nguyễn Thiện Giáp, Các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ, Nxb Giáo dục, (2009).
- [6]. Phạm Tất Thắng, Đặc điểm của lớp tên riêng chỉ người (chính danh) trong tiếng Việt, Luận án PTS, Phòng TTTL- TV Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội, (1996).
- [7]. Phạm Tất Thắng, Không gian tên riêng tiếng Việt, Tạp chí Khoa học, Viện Đại học Mở Hà Nội, S. 6, H, (2014).
- [8]. Phạm Tất Thắng, Các phương pháp nghiên cứu tên riêng, Tạp chí Ngôn ngữ, S.11, (2022).
- [9]. Lê Quang Thiêm, Ngữ nghĩa học, Nxb Giáo dục, H, (2008).
- [10]. S. A.B. Superanskaja A.V, Obschaja teorija imenhi sobstvenovo, M, (1973).

PROPER NOUNS IN THE VIETNAMESE LEXICAL SYSTEM

Pham Tat Thang[†], Nguyen Hoang Phuong Linh[†]

Abstract: *According to traditional views, the lexical units of Vietnamese are commonly identified as words and fixed expressions. However, by examining names of other lexical units based on the criteria of Lexicology, this study demonstrates that proper nouns can be categorized as a distinct type of lexical unit with equivalent value to words, thereby establishing them as a legitimate linguistic unit. To clarify this aim, the descriptive linguistic method is employed based on contemporary Vietnamese language data. The study's contribution is to elucidate the essential role of proper nouns within the Vietnamese lexical system and, for the first time, asserts that proper nouns constitute a distinct linguistic unit.*

Keywords: *word, noun, proper names, proper noun, common names, onomastics.*

[†] Hanoi Open University